

Mười Chư vị Bồ Tát ở Dạ Ma Cung

Nếu như trước đây đã từng đề cập đến mười chư vị Bồ Tát trên đỉnh núi Tu Di thì ở đây là mười chư vị Bồ Tát khác ở Dạ Ma Cung. Đây là những chư vị Bồ Tát đại diện cho các Bồ Tát thập phương đọc bài kệ để tán thán đức Thế Tôn khi đến thăm thế giới Dạ Ma Thiên, mười vị Bồ Tát đó là:

Công-Đức-Lâm Bồ-Tát, Huệ-Lâm Bồ-Tát, Thắng-Lâm Bồ-Tát, Vô-Úy-Lâm Bồ-Tát, Tàm-Quý-Lâm Bồ-Tát, Tinh-Tấn-Lâm Bồ-Tát, Lục-Lâm Bồ-Tát, Hạnh-Lâm Bồ-Tát, Giác-Lâm Bồ-Tát, Trí-Lâm Bồ-Tát.

Công-Đức-Lâm Bồ-Tát mở đầu bài kệ của mình, trong bài kệ mở đầu này, Công-Đức-Lâm Bồ Tát ngoài ca ngợi công đức Như Lai còn cho hay: thế giới của các chư vị Bồ Tát đến đây đều là thế giới thanh tịnh, trang nghiêm, yên vui, quý đẹp... Trong bài kệ dài của Bồ Tát Công-Đức-Lâm có đoạn kệ bốn câu đề cập đến Như Lai đáng lưu tâm:

*Du hành mười phương cõi
Như hư-không vô-ngại
Một thân vô-lượng thân
Thân-tướng bất-khả-đắc.*

Như vậy, một lần nữa lại có Bồ Tát đề cập đến thân tướng của Như Lai: Như Lai không có thân tướng – nhưng, cũng là *vô-lượng thân* khi Như Lai muốn. Vì vậy, chớ nên dỗi tìm *hình tướng* của Như Lai ; lại càng không tin, nếu như có ai đó cho rằng: đã “gặp” tướng Phật.

Không nhận diện ra được *hình tướng* Như Lai – vì vậy mà không tin sự hiện hữu của Như Lai – đó là điều mất mát, thiệt thòi không có gì so sánh được.

Huệ-Lâm Bồ-Tát đọc kệ, ngoài nội dung ca ngợi công đức, những khả năng tối thượng (vô thượng) của đức Như Lai ... có đoạn kệ bốn câu đáng lưu tâm như sau:

*Vô-lượng vô-số kiếp
Tu tập hạnh bồ-đề
Chẳng thể biết nghĩa này
Chẳng thể được thành Phật.*

Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa” đề cập đến tính *nhân* (hạnh tu của Bồ Tát) – và đề cập đến sự nóng vội của Bồ Tát rất là sâu sắc. Có quá nhiều người nghĩ rằng, khẳng định rằng: trong đời tu này **phải** đạt cho bằng được cứu

cánh giải thoát. Đó có thể là đức tính tốt chăng ? Chưa thể đánh giá được, song, một khi **“phải”** như vậy là bức thành trì *Ngã* vẫn còn sừng sững ở trong mình rồi. Cho nên, sao lại cứ phải vội vàng ? Nói như vậy, không phải đồng nghĩa với sự phóng dật – bởi, một Bồ Tát đích thực không bao giờ dám rời xa *hạnh tinh tấn* của mình.

Thắng-Lâm Bồ-Tát đọc kệ, ngoài nội dung ca ngợi công đức, những khả năng tối thượng (vô thượng) của đức Như Lai ... có đoạn kệ bốn câu đáng lưu tâm như sau:

Tất cả pháp vô-sanh

Tất cả pháp vô-diệt

Nếu biết được như vậy

Người này thấy được Phật.

Bồ Tát Thắng-Lâm dành nhiều câu trong bài kệ của mình đề cập đến triết lý *vô sanh-vô diệt ; hữu sanh-hữu diệt* . Trong phần nhiều kinh Phật đề cập đến nguyên lý tự nhiên này. Bộ “*Tâm Kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa*” đã đề cập triết lý này rất cô đọng nhưng cũng là rất đầy đủ.

Vô-Úy-Lâm Bồ-Tát đọc kệ, ngoài nội dung ca ngợi công đức, những khả năng tối thượng (vô thượng) của đức Như Lai ... có đoạn kệ bốn câu đáng lưu tâm như sau:

Nếu có người hiện-tại

Tin được phật-pháp này

Cũng sẽ thành chánh-giác

Thuyết-pháp vô-sở-úy.

Bồ-Tát Vô-Úy-Lâm dành nhiều câu trong bài kệ của mình đề cập đến vấn đề niềm tin (tín).

Thực ra, phương pháp tu Phật là phương pháp nhằm đến những thành tựu khoa học tiên tiến nhất mà con người hằng mong mỏi, đó là: không bệnh tật, không già yếu, được sống trong thanh bình, tràn ngập tình yêu thương, đầy ắp hạnh phúc (kể cả hạnh phúc lứa đôi) – và đặc biệt: được sống trong vật chất, tiện nghi đủ đầy nhất. Có rất nhiều thế giới hải đáp ứng thỏa đáng tất cả những mong muốn ấy của con người. Duy chỉ có một điều: muốn có được “visa nhập cảnh” vào những thế giới ấy, đó phải là con người đầy đủ đức hạnh thanh tịnh – như đức hạnh thanh tịnh của một chư Phật.

Vậy mà, con người lại ra sức dõng tìm ... ở tận đâu đâu ...

Đó là sự đi tìm vô vọng, huyễn hoặc. Gọi đó là sự đi tìm vô vọng, huyễn hoặc – bởi đó là những thứ tưởng chừng là hết sức khoa học – nhưng thực chất lại là chưa với tới, khó với tới tầm thực sự là khoa học. Bởi, với những gì con người có – cho dù là “cực” văn minh, “cực” tiên tiến, “cực” và “siêu” hiện đại ... đều nằm trong giới hạn của hữu hạn – đều là tương đối. Vì vậy, với những thứ rất mực hạn chế ấy

– không thể chạm vào nổi những điều của vô hạn – tuyệt đối. Tầm nhìn của hữu hạn, đó là tầm nhìn của : “Éch ngồi đáy giếng”. Từ hữu hạn “nhìn” vào vô hạn – giống như kẻ mù đương mắt ngó ánh mặt trời: tất cả đều tối đen, đều là vô hình. Vì chỉ thấy màn đen, chỉ thấy hư không – nên kết luận vội vàng: không có thật, chỉ là “duy tâm”. Thực ra, đó là “duy vật” hơn bất cứ thứ “duy vật” nào mà con người nhận thức được. Vì cho là “duy tâm” nên không tin. Vì không tin nên tiếp tục dõ tìm trong huyền hoặc, vô vọng ...

Loài người ngày càng phải đương đầu với quá nhiều khó khăn: dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh ... những thứ theo lẽ không đáng mắc phải.

Cho nên, những ai tiếp cận được triết lý Phật – đó là phước đức không gì so sánh được – và đứng nên để cơ hội vượt khỏi tầm tay ...

Tâm-Quý-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề: trí tuệ và không trí tuệ.

Như tướng cùng vô-tướng

Sanh tử với niết-bàn

Phân biệt đều chẳng đồng

Trí, vô-trí cũng vậy.

Xin nhắc lại, khái niệm *trí* trong nhà Phật chú trọng đến bản chất (trí tuệ Ba La Mật Đa). Cho nên, một người có nhiều kiến thức (do học rộng) có khi “*trí*” tuệ lại chưa sâu. Chính vì *trí* tuệ chưa sâu nên mới dám làm những điều bại hoại. Một người có trí tuệ Ba La Mật Đa – trí tuệ ấy đi trước (tiền đạo) – sẽ dẹp được tất cả những chướng ngại từ thân, khẩu, ý – do vậy mọi suy nghĩ, lời nói, hành động đều đúng (thiện). Kiến thức rộng do học vẫn mang lại là điều kiện thuận lợi rất lớn để tiếp cận nhanh những vấn đề cần huy động của tư duy, song đó chưa phải là yếu tố quyết định cho sự tận cùng tỏa sáng cực độ của trí tuệ – trí tuệ Ba La Mật Đa. Cho nên, nếu không tỉnh táo, sớm nhận ra rằng: sự hiểu biết của con người với *chất* người như hiện nay là vô cùng hạn hẹp – sự hạn hẹp này càng trở nên hạn hẹp khi để cho bản năng (cái *ngã*, cái *tôi* chủ quan) che lấp . Có bằng cấp cao: Cử nhân, Kỹ sư, Bác sĩ, Tiến sĩ ... là điều kiện hết sức thuận lợi cho kẻ sinh nhai – đừng lấy đó làm cái “*rọ*” để tự chui vào.

Một người có *trí* sẽ nhận ra ngay: triết lý Phật là triết lý của lẽ thật (chân lý) – vì là triết lý của chân lý (lẽ thật) nên **không dối bao giờ**.

Một người có *trì* nhận ra: đó là triết lý “không dối” nên đặt trọn vẹn niềm tin của mình vào. Vì đã đặt trọn niềm tin của mình vào triết lý của chân lý – nên những thứ giả dối khác không còn có điều kiện để mê hoặc.

Ngược lại, người *không trí*, chìm đắm trong những thứ giả dối. *Vô minh* không biết đến bao giờ tan.

Tinh-Tân-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Tánh không:

Không có tất cả tướng.

Vì như tướng sanh diệt

Các thứ đều chẳng thiệt

Các pháp đều cũng vậy

Tánh không đã được đề cập đến nhiều lần, với nhiều phương diện khác nhau, ở đây chỉ xin nhấn mạnh rằng: tất cả những suy nghĩ, lời nói, hành động ; tất cả những gì tạo dựng ra được: tiền bạc, của cải vật chất, các tác phẩm v.v... đều đã được chuyển hóa vào tâm linh của mỗi người. Sự chuyển hóa này là không có ngôn từ nào diễn tả được – bởi đây là điều vượt quá xa tầm suy của con người. Hoạt động của bộ não người vốn rất tinh vi huyền diệu – song đó cũng chỉ là hữu hạn, chỉ là “hạt bụi” so với những gì thuộc cơ chế chuyển hóa trong tâm linh – vốn của vô hạn (chuyển hóa xảy ra trong cấu trúc tâm linh phân tâm của con người, đó là sự “ghi nhận” rất đặc thù – xem thêm “Tâm và tâm linh”).

Lục-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Nghịệp.

Nghịệp là gốc của uẩn

Tâm là gốc các nghịệp

Tâm đó dường như huyền

Thế-gian cũng như vậy.

Thân, khẩu, ý tạo tác ra các nghịệp (xấu, tốt, trung tính). Từ đó mà hình thành Tâm của mỗi người (tích lũy từ nhiều đời, nhiều kiếp). Tâm không cố định, không bất biến. Chỉ trong “sát na”, tâm đã chuyển hóa theo những tạo tác nghịệp mới. Vì vậy mà “*Tâm đó dường như huyền*”. Thế gian này cũng vậy, cũng là *huyền*.

Hạnh-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Cứu cánh giải thoát.

Nếu thấy tất cả pháp

Bổn-tánh như niết-bàn

Đây thời thấy Như-Lai

Rốt ráo vô-sở-trụ.

Pháp ở đây có nghĩa là vạn vật (chữ pháp trong kinh Phật rất đa nghĩa). Niết bàn ở đây có nghĩa: *không sanh, không diệt ; không như không sạch ; không thêm không bớt* – trong vạn vật ấy, mình cũng chẳng thể khác: cũng là KHÔNG. Không còn điều gì để níu giữ (vô sở trụ) vì vậy mà đạt cứu cánh giải thoát.

Giác-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề:
Tâm-thân

Tâm chẳng trụ nơi thân

Thân chẳng trụ nơi tâm

Mà làm được phật-sự

Tự-tại chưa từng có.

Tâm và thân là hai phương diện khác nhau. Có thể do thân còn hạn chế nhiều mặt, song không vì thế mà gây trở ngại việc làm phật sự, đó là điều Bồ Tát đã “làm chủ” (tự tại) được bản thân mình vậy. Cũng có thể do thân có rất nhiều mặt tốt đẹp, thuận lợi, song không vì thế mà gây trở ngại việc làm phật sự, đó là điều Bồ Tát đã “làm chủ” (tự tại) được bản thân mình vậy.

Trí-Lâm Bồ-Tát dành nhiều câu trong bài kệ của mình để đề cập đến vấn đề: Thân tướng chư Phật.

Lại như hư-không sạch

Phi-sắc, chẳng thấy được

Dầu hiện tất cả sắc

Không ai thấy hư-không.

Chư Phật cũng như vậy

Hiện khắp vô-lượng sắc

Chẳng phải cảnh của tâm

Tất cả chẳng thấy được.

Phật luôn ở bên cạnh những ai có tâm hướng về Phật. Điều đó là không thể nghĩ bàn.

(Trích từ chú giải “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”, phẩm “Dạ Ma
Cung Kệ Tán”)